

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC

Năm 2025

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)							Mục đích sử dụng				
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
1	Tài sản cố định khác		155	5.390.402	5.273.606	116.796	1.048.837								
1	Amply Mixer	Phòng thư viện	1	18.450	18.450		18.450		x						
2	Máy photocopy + kê máy photo	Phòng thư viện	1	63.503	63.503										
3	Máy pho to	Văn phòng	1	50.000		50.000									
4	Máy lọc nước tinh khiết	Văn phòng	1	49.900	49.900										
5	Máy chiếu Viewsonic Pa503S	Phòng tin học	1	60.159	60.159										
6	Máy chiếu Viewsonic Pa503S	Phòng thư viện	1	60.159	60.159										
7	Máy chiếu vật thể camera thu hình ảnh	Văn phòng	2	98.352	98.352										
8	Máy chiếu vật thể	Văn phòng	1	49.990	49.990										
9	Máy chiếu vật thể	Phòng thư viện	1	49.905	49.905				x						
10	Máy chiếu vật thể	Phòng thư viện	1	49.905	49.905				x						
11	Máy chiếu đa năng + dây + màn	Lớp 6a5 + 7b3	1	55.917	55.917										
12	Máy chiếu đa năng + dây + màn 5155P 2017	Văn phòng	1	60.297	60.297				x						
13	Máy chiếu đa năng+ dây + màn	Phòng thư viện	2	120.400	120.400										
14	Máy chiếu đa năng PJD 5232V 2013	Lớp 8c1 + 9d2	1	52.810	52.810										
15	Máy chiếu đa năng + Phụ kiện (Dây cáp+ giá treo+màn hình...)	Văn phòng	1	34.909	34.909		20.945							x	

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)										Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác					
					Nguyên ngân sách	Nguyên khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15					
16	Máy photocopy	Phòng thư viện	1	58.650	58.650		35.190							x					
17	Máy chiếu đa năng + Phụ kiện (Dây cáp+ giá treo+màn hình...)	Phòng thư viện	1	34.909	34.909		20.945							x					
18	Máy chiếu đa năng	Nhà kho	2	115.466	115.466														
19	Máy chiếu đa năng	Nhà kho	1	65.093	65.093				x										
20	Máy chiếu đa năng	Lớp 7b2 + 9d3	1	52.654	52.654														
21	Máy chiếu đa năng	Nhà kho	1	65.093	65.093				x										
22	Máy chiếu 2021	Lớp 7 B 2 mới	1	63.978	63.978		12.796		x										
23	Máy chiếu 2021	Lớp 7 B 1 mới	1	63.978	63.978		12.796		x										
24	Máy chiếu 2021	Lớp 7 B 3 mới	1	63.978	63.978		12.796		x										
25	Máy chiếu + màn + dây năm 2015	Lớp 6a4 + 7b4	1	55.917	55.917														
26	Máy chiếu	Lớp 6a2 + 8c2	1	33.012	33.012		33.012		x										
27	Máy chiếu	Phòng truyền thống	1	33.012	33.012		33.012		x										
28	Máy bơm nước hút sâu dây cao 740W 2017	Nhà bếp	1	11.601	11.601		1.450												
29	Máy bơm nước hút sâu dây cao 740W 2017	Nhà ở HS nội trú	1	11.601	11.601		1.450												
30	Máy bơm nước hút sâu dây cao	Nhà kho	1	12.477	12.477		3.119		x										
31	Máy bơm nước hút sâu dây cao	Nhà bếp	1	12.477	12.477		3.119		x										
32	Máy chiếu đa năng	Nhà kho	1	65.093	65.093				x										
33	Máy bơm nước	Trường THCS Xã Thanh Nưa	1	11.500	11.500		8.625							x					
34	Máy quét tài liệu 2 mặt	Phòng kế toán	1	24.873	24.873				x										
35	Máy tính CMC 2015	Văn phòng	1	17.757	17.757														
36	Tủ cơm điện	Nhà Ăn	1	30.000		30.000	3.750												
37	Thiết bị âm thanh đa năng di động năm 2022	Phòng ngoại ngữ	1	11.095	11.095		4.438		x										
38	Téc nước inox 2000L + giá đỡ	Nhà Ăn	3	33.505	33.505														



STT	Danh mục Xổ số và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo số kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
1		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
39	Téc nước inox 2000L + giá đỡ	Nhà ở HS nội trú	1	17.817	17.817		6.681		X						
40	Téc nước inox 2000L + giá đỡ	Nhà ở HS nội trú	1	17.817	17.817		6.681		X						
41	Téc nước inox 2000L + giá đỡ	Nhà ở HS nội trú	1	17.817	17.817		6.681		X						
42	Tăng âm hội trường, sân khấu ngoài trời PEVEY XR 8600/2017	Văn phòng	1	59.698	59.698										
43	Tăng âm hội trường, sân khấu ngoài trời	Văn phòng	1	41.392	41.392										
44	Phần mềm quản lý ngân sách 2021	Phòng kế toán	1	10.000	10.000		2.000		X						
45	Phần mềm nghiệp vụ tính lương năm 2021	Phòng kế toán	1	10.000	10.000		2.000		X						
46	Phần mềm thống kê tổng hợp báo cáo ngành GD	Phòng Hiệu trưởng	1	15.000	15.000				X						
47	Phần mềm QLTH	Phòng Hiệu phó	1	10.000	10.000										
48	Phần mềm QL CB.VN	Phòng Hiệu trưởng	1	12.000	12.000										
49	Phần mềm kế toán misa	Phòng kế toán	1	10.500	10.500										
50	Máy tính 2015	Phòng tin học	1	17.757	17.757										
51	Phần mềm Emiss ôn tập	Phòng Hiệu trưởng	1	17.000	17.000		6.800		X					X	
52	Nhà vệ sinh khép kín	Tường THCS Xã Thanh Nưa	1	261.709	261.709										
53	Micro điện tử không dây gồm (2 micro + 1 bộ thu)	Phòng đội	1	14.830	14.830				X						
54	Máy vi tính để bàn (Loại 2) Năm 2022	Phòng tin học	1	14.650	14.650		5.860		X						
55	Máy vi tính để bàn (Loại 2) Năm 2022	Phòng tin học	1	14.650	14.650		5.860		X						
56	Máy vi tính để bàn (Loại 2) Năm 2022	Phòng tin học	1	14.650	14.650		5.860		X						
57	Máy vi tính để bàn (Loại 2) Năm 2022	Phòng tin học	1	14.650	14.650		5.860		X						
58	Máy vi tính để bàn (Loại 2) Năm 2022	Phòng tin học	1	14.650	14.650		5.860		X						
59	Máy vi tính để bàn (Loại 2) Năm 2022	Phòng thư viện	1	14.650	14.650		5.860		X						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
60	Máy vi tính để bàn (Loại 2) Năm 2022	Phòng Hiệu phó	1	14.650	14.650		5.860		x						
61	Máy vi tính để bàn (Loại 2) Năm 2022	Phòng tin học	1	14.650	14.650		5.860		x						
62	Máy vi tính để bàn (Loại 2) Năm 2022	Phòng vật lý	1	14.650	14.650		5.860		x						
63	Máy vi tính để bàn (Loại 2) Năm 2022	Phòng Hóa học	1	14.650	14.650		5.860		x						
64	Máy tính xách tay	Phòng Hiệu trưởng	1	14.850	14.850		8.910							x	
65	Máy tính xách tay	Phòng Hiệu trưởng	1	14.850	14.850		8.910							x	
66	Phần mềm công tác ăn bản trú	Phòng kế toán	1	15.000	15.000										
67	Máy ảnh kĩ thuật số sony 2017	Phòng Hiệu trưởng	1	13.891	13.891										
68	Màn hình hiển thị cảm ứng thông minh	Lớp 7b2 + 9d3	1	80.196	80.196		80.196		x						
69	Màn hình hiển thị cảm ứng thông minh	Lớp 6a2 + 8c2	1	80.196	80.196		80.196		x						
70	Bộ máy tính	Phòng tin học	1	14.690	14.690				x						
71	Bộ máy tính	Phòng tin học	1	14.690	14.690				x						
72	Bộ máy tính	Phòng tin học	1	14.690	14.690				x						
73	Bộ máy tính	Phòng tin học	1	14.690	14.690				x						
74	Bộ máy tính	Phòng tin học	1	14.690	14.690				x						
75	Bộ máy tính	Phòng tin học	1	14.690	14.690				x						
76	Bộ máy tính	Phòng tin học	1	14.690	14.690				x						
77	Bộ máy chiếu đa năng	Lớp 9d1 + 8c4	1	64.577	64.577				x						
78	Bộ máy chiếu đa năng	Lớp 7b1	1	64.577	64.577				x						
79	Bộ máy chiếu đa năng	Phòng tin học	1	64.577	64.577				x						
80	Bộ máy chiếu đa năng	Văn phòng	1	64.577	64.577				x						
81	Bộ học liệu điện tử	Phòng Hóa học	1	18.300	18.300		13.725							x	
82	Bộ hệ thống Cammerra 32 mắt	Văn phòng	1	409.597	409.597				x						



STT	Danh mục tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức THANH HÓA	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)										Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác					
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15					
83	Bộ dụng cụ thí nghiệm tạo âm thanh INNOTECH 2022	Phòng Hóa học	1	63.150	63.150		25.260		x										
84	Bộ máy tính	Phòng tin học	1	14.690	14.690				x										
85	Bộ dụng cụ quan sát tế bào năm 2022	Phòng Hóa học	1	13.290	13.290		8.306		x										
86	Bộ bàn ghế uống nước Sofa giả da	Phòng Hiệu trưởng	1	18.500	18.500														
87	Băng rở treo tường	Trường THCS Xã Thanh Nưa	1	13.724	13.724		3.431		x										
88	Băng rở treo tường	Trường THCS Xã Thanh Nưa	1	13.724	13.724		3.431		x										
89	Bàn và lưới bóng bàn năm 2022	Trường THCS Xã Thanh Nưa	1	17.500	17.500		10.938		x										
90	Bàn sơ chế thức ăn chân Inox	Nhà bếp	2	25.250	25.250														
91	Bàn sơ chế thức ăn inox	Nhà Ăn	1	16.169	16.169		4.042		x										
92	Bàn sơ chế thức ăn inox	Nhà Ăn	1	16.169	16.169		4.042		x										
93	Bàn ghế uống nước	Phòng Hiệu trưởng	1	18.500	18.500														
94	Bàn đọc thư viện (KT: 1800x1800x650mm)	Phòng thư viện	1	14.826	14.826		5.560		x										
95	Bàn đọc thư viện (KT: 1800x1800x650mm)	Phòng thư viện	1	14.826	14.826		5.560		x										
96	Bàn đọc thư viện (KT: 1800x1800x650mm)	Phòng thư viện	1	14.826	14.826		5.560		x										
97	Bàn đọc thư viện (KT: 1800x1800x650mm)	Phòng thư viện	1	14.826	14.826		5.560		x										
98	Bàn chia thức ăn	Nhà bếp	2	23.054	23.054														
99	Bàn bóng bàn	Trường THCS Xã Thanh Nưa	1	21.600	21.600				x										
100	Bộ công cụ phát triển ứng dụng dựa trên vi điều khiển 2022	Phòng vật lý	1	13.804	13.804		10.353		x										
101	Bộ máy tính	Phòng tin học	1	14.690	14.690				x										
102	Bộ máy tính	Phòng tin học	1	14.690	14.690				x										
103	Bộ máy tính CMS	Phòng Hiệu trưởng	5	88.810	88.810														

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
104	Màn hình hiển thị cảm ứng thông minh	Lớp 7 B 3 mới	1	80.196	80.196		80.196		x						
105	Màn hình hiển thị cảm ứng thông minh	Lớp 8c1 + 9d2	1	80.196	80.196		80.196		x						
106	Loa trợ giảng kéo đi động	Nhà kho	1	29.693	29.693				x						
107	Loa trợ giảng kéo đi động	Nhà kho	1	29.693	29.693				x						
108	Loa trợ giảng đi động	Phòng ngoại ngữ	1	29.610	29.610				x						
109	Loa trợ giảng đi động	Phòng ngoại ngữ	1	29.610	29.610				x						
110	Loa hội trường, sân khấu ngoài trời PV 215/2017	Văn phòng	2	59.698	59.698										
111	Loa hội trường sân khấu Peavey PV 215 2013	Phòng đội	1	24.200	24.200										
112	Loa hội trường sân khấu Peavey PV 215 2013	Phòng đội	1	24.200	24.200										
113	Loa hội trường sân khấu	Phòng thư viện	1	12.550	12.550		12.550		x						
114	Loa hội trường sân khấu	Phòng thư viện	1	12.550	12.550		12.550		x						
115	Lán xe	Trường THCS Xã Thanh Nưa	1	36.796		36.796				x					
116	Làm sân khấu	Trường THCS Xã Thanh Nưa	1	42.671	42.671				x						
117	Khung thành bóng đá	Trường THCS Xã Thanh Nưa	1	29.693	29.693		7.423		x						
118	Khung thành bóng đá	Trường THCS Xã Thanh Nưa	1	29.693	29.693		7.423		x						
119	Kèn baritone 2013	Phòng đội	1	13.800	13.800										
120	Kèn baritone 2013	Phòng đội	1	13.800	13.800										
121	Bộ máy tính CMS 2015	Phòng tin học	5	88.810	88.810										
122	Bộ Máy tính để bàn CMS	Văn phòng	4	75.960	75.960										
123	Bộ mic không dây	Phòng thư viện	1	13.250	13.250		13.250		x						
124	Camera phòng họp trực tuyến 2022	Phòng truyền thông	1	149.750	149.750		93.594		x						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)						Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
125	Chăn đựng thức ăn khung bằng nhôm	Nhà bếp	1	14.173	14.173		3.543		x						
126	Chăn đựng thức ăn khung bằng nhôm	Nhà bếp	1	14.173	14.173		3.543		x						
127	Tủ nấu cơm 12 khay	Nhà bếp	1	87.310	87.310		21.828		x						
128	Cột băng bóng rổ năm 2022	Trường THCS Xã Thanh Nưa	1	38.000	38.000		23.750		x						
129	Đàn ORGAN	Nhà kho	1	68.662	68.662										
130	Đệm nhảy cao năm 2022	Trường THCS Xã Thanh Nưa	1	28.979	28.979		18.112		x						
131	Dù che 20M 2017	Nhà kho	1	49.293	49.293		6.162								
132	Dù che đường kính 20m	Nhà kho	1	34.150	34.150										
133	Dù che mưa 2021	Trường THCS Xã Thanh Nưa	1	52.376	52.376		26.188		x						
134	Giàn ga công nghiệp + bình	Nhà bếp	1	19.463	19.463		4.866		x						
135	Cột và lưới bóng chuyền năm 2022	Trường THCS Xã Thanh Nưa	1	12.860	12.860		8.038		x						
136	Xây mới cổng trường	Trường THCS Xã Thanh Nưa	1	87.696	87.696		26.309		x						

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Cao Thị Hà

Ngày tháng năm

Thư trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Thu Hằng